

Bản án số: 166/2024/DS-PT  
Ngày 06-9 -2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn Long

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Thành Trung

Ông Đặng Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLPT-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “**Tranh chấp quyền sử dụng đất**”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn V: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh “Theo văn bản ủy quyền đề ngày 04/9/2024” (có mặt)

- **Bị đơn:**

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, TP., tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T: Ông Lưu Thanh T1, sinh

năm 1975; Địa chỉ **ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh** “Theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2024” (có mặt)

2. Ông **Trần Ngọc A**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp C, xã L, TP., tỉnh Trà Vinh**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp Sa Bình, xã Long Đức, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**

2. Anh **Phạm Văn T2**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3. Bà **Trần Thị Cẩm H1**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp C, xã L, TP., tỉnh Trà Vinh.**

- Người kháng cáo: Bà **Huỳnh Thị T** là bị đơn trong vụ án.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2023 của ông **Nguyễn Văn V** và người đại diện hợp pháp của ông **V** trình bày:

Năm 2019, ông **Nguyễn Văn V** nhận chuyển nhượng từ ông **Đình Văn N** diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh** được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/12/2019. Tuy nhiên, giáp ranh đất của ông **V** là đất của bà **Huỳnh Thị T** và ông **Trần Ngọc A**. Bà **T** và ông **A** sử dụng đất lấn qua phần đất mà ông **V** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, ông **V** đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà **Huỳnh Thị T** và ông **Trần Ngọc A** phải trả lại cho ông **V** diện tích đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông **V** đã được cấp. Cụ thể như sau:

Buộc ông **Trần Ngọc A** và và hộ gia đình ông **A** phải trả lại cho ông **Vũ** phần diện tích đất 89,7m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

Buộc bà **Huỳnh Thị T** và hộ gia đình chị **T** phải trả lại cho ông **Vũ** phần diện tích đất 323,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

Ngày 30/8/2023, ông **V** có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trần Ngọc A** và bà **Trần Thị Cẩm H1** phải trả lại cho ông **Vũ**

phần diện tích đất 114,2m<sup>2</sup> (gồm phần E2 = diện tích 99,6m<sup>2</sup> và phần A1 = diện tích 14,6m<sup>2</sup>. Theo sơ đồ khu đất ngày 21/10/2022 mà Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp) nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn T2 phải trả lại cho ông Vũ phần diện tích đất 404,8m<sup>2</sup> (gồm phần B1 = diện tích 0,2m<sup>2</sup>; phần C = diện tích 132,8m<sup>2</sup> và phần D1 = diện tích 271,8m<sup>2</sup>. Theo sơ đồ khu đất ngày 21/10/2022 mà Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp) nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa, ông V đồng ý hỗ trợ cho bà T phí tôn tạo là 10.368.000 đồng. Đối với cây trồng trên đất, ông V chỉ đồng ý hỗ trợ chi phí di dời là 5.000.000 đồng.

- Ông Trần Ngọc A là bị đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông N1 của ông Trần Ngọc A là cụ Ngô Văn T3 có một thửa đất tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, sử dụng trước và sau năm 1975. Sau năm 1975, cụ Ngô Văn T3 cho lại cho ông Trần Anh K và bà Nguyễn Thị H2 (cha mẹ ruột của ông Trần Ngọc A) sử dụng liên tục từ rạch trên đến rạch dưới. Giáp ranh đất với gia đình ông là đất của ông Đinh Văn Q là cha ruột của ông Đinh Văn N không có xảy ra tranh chấp. Năm 1992, ông Trần Anh K và bà Nguyễn Thị H2 cho lại ông A sử dụng cũng không xảy ra tranh chấp với ông Đinh Văn N. Trụ ranh hẳn hoi do ông N tự cắm. Khoảng năm 2018, ông Nguyễn Văn V có mua một phần đất phía trong rồi nhờ người hỏi mua đất của ông A hai lần để làm đường đi nhưng ông A không bán. Sau này, ông N bán đất cho ông Vũ I qua phần đất của ông A đang sử dụng. Khi địa chính đến đo đạc cũng không mời ông A ra để xác định giáp ranh. Nay, ông V khởi kiện buộc ông A phải trả lại phần đất có diện tích 114,2m<sup>2</sup> cho ông V, ông A không đồng ý.

Ông yêu cầu ông Đinh Văn N ra đối chất vì ông N là chủ đất cũ đã biết rõ nguồn gốc và ranh đất. Ranh đất đã cắm trụ từ trước đến nay không thay đổi và hai bên đã thống nhất sử dụng theo trụ.

- Bà Huỳnh Thị T là bị đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu chị trả lại cho ông V diện tích 404,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 18, tờ bản đồ số 77 tại ấp C, xã L, thành phố T thì chị không đồng ý. Bởi vì, phần đất này bà đã nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Văn N vào năm 2018 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.776,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 570, tờ bản đồ số 77. Sau khi nhận

chuyển nhượng đất từ ông N thì bà quản lý và sử dụng cải tạo đúng phần đất mà bà nhận chuyển nhượng chứ bà không có lấn chiếm đất của ông V.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị Cẩm H1 thống nhất với lời trình bày của ông Trần Ngọc A, không bổ sung gì thêm.

2/ Ông Phạm Văn T2 thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị T, không bổ sung gì thêm.

3/ Bà Huỳnh Thị Ngọc H (vợ ông V) có đơn đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản án sơ thẩm sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 99, Điều 100, Điều 188; Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V.

- Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn T2 phải trả lại phần đất có diện tích 404,8m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 698085 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 16/12/2019).

Có vị trí tứ cận theo Công văn số 1530/CNTPTV, ngày 21/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Hướng Đông giáp thửa 570 có các số đo: 27,90; 7,00; 2,56; 56,94.

Hướng Tây giáp R có số đo 34,51.

Hướng Nam giáp thửa 18 có các số đo 2,8m; 6,56m.

Hướng Bắc giáp Rạch có số đo 7,5m.

- Buộc ông Trần Ngọc A và bà Trần Thị Cẩm H1 phải trả lại phần đất có diện tích 114,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 698085 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 16/12/2019).

Có vị trí tứ cận theo Công văn số 1530/CNTPTV, ngày 21/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Hướng Đông giáp thửa 570 có số đo 4,14m và thửa 47 có số đo 12m.

Hướng Tây giáp R có số đo 34,51.

Hướng Nam giáp thửa số 18 có số đo 9,6m.

Hướng Bắc giáp đường đất có số đo 9,57m.

Về công sức tôn tạo quyền sử dụng đất: Buộc ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền đổ cát là 10.368.000 đồng.

Về cây trồng trên đất: Giao 11 cây dừa, 04 bụi chuối, 08 cây bưởi da xanh cho ông Nguyễn Văn V sở hữu và buộc ông Nguyễn Văn V hoàn lại giá trị cho bà T là 5.892.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02 /2024, bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Trà Vinh do bản án xử không đúng quy định của pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Thửa đất 570 bà T nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Văn N có diện tích 6.180m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 837, tờ bản đồ số 09 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp ngày 07/3/1997 thì thửa đất 837 không có hình thể trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T chuyển nhượng thửa đất 837 chỉ bằng hình thức chính trang tư, bà T nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 837 không có giấy tờ nào chứng minh bà T chuyển nhượng thửa đất 837 đến rạch, đến khi bà T làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Cơ quan chuyên môn đã khảo sát lập biên bản mô tả ranh giới, mốc giới theo hiện trạng sử dụng đất ngày 23/8/2018 thửa đất 570 giảm 403,4m<sup>2</sup> (lý do giảm là do chênh lệch giữa hai tài liệu đo đạc) và hình thể thửa đất là giáp rạch có chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Văn V, ông Trần Ngọc A, ông Đinh Văn N và chữ ký người sử dụng đất bà Huỳnh Thị T và căn cứ biên bản trên ngày 31/8/2018 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T cấp giấy chứng nhận



quyền sử dụng đất thửa đất 570, diện tích 5.776,6m<sup>2</sup> cho bà Huỳnh Thị T tiếp giáp rạch là không chính xác và trên bản đồ địa chính, sổ đăng ký kê khai năm 1993 thể hiện ông Đinh Văn Q có đăng ký kê khai thửa đất 838 diện tích 710 và năm 2004 trích lục địa chính là thửa đất số 18; trên bản đồ địa chính (233) thể hiện thửa đất số 570 hướng tây tiếp giáp thửa 18 (không tiếp giáp rạch).

Căn cứ vào bản mô tả ranh giới, mốc giới theo hiện trạng sử dụng đất ngày 04/12/2019 thửa đất 18 giảm 67,8m<sup>2</sup> (lý do giảm là do chênh lệnh giữa 2 tài liệu đo đạc) và hình thể thửa đất hướng đông giáp rạch, tiếp giáp đường bê tông, hướng Tây giáp thửa đất 570 của bà Huỳnh Thị T có chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Văn A1, bà Huỳnh Thị T và chữ ký người sử dụng đất ông Nguyễn Văn V. Đối chiếu với những chứng cứ nêu trên, xác định thửa đất 570 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp giáp rạch là có sự nhầm lẫn của cơ quan chuyên môn. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T thấy rằng:

Thửa đất mà bà T chuyển nhượng từ ông Đinh Văn N có diện tích 6.180m<sup>2</sup>, thuộc thửa 837, tờ bản đồ số 9 đã được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp cho ông Đinh Văn N đứng tên quyền sử dụng đất ngày 07/3/1997. Ngày 12/6/2018, bà T xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản xác định mốc giới thửa đất ngày 23/8/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn V, ông Trần Ngọc A, ông Đinh Văn N và chữ ký của người sử dụng đất bà Huỳnh Thị T, diện tích đất có giảm 403,4m<sup>2</sup> là do chênh lệnh giữa 02 lần đo đạc (kèm trích lục thửa đất ngày 30/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố T). Ngày 31/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Huỳnh Thị T có trích lục thửa đất tại cạnh hướng Đông và hướng Tây giáp rạch. Cho nên bà T cho rằng đất của bà giáp rạch, nên ông N không còn đất giáp với thửa 570 của bà. Tuy nhiên vào ngày 08/10/2018, ông Đinh Văn N có đơn đề

nghe cấp lại Giấy chứng nhận thửa 838, diện tích 710m<sup>2</sup> (nay là thửa 18) với lý do mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản ký giáp ranh ngày ngày 04/12/2019 có chữ ký của ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn Ngọc A2, ông Đinh Văn N thể hiện phần đất giáp rạch là thửa 18, phần đất thửa 570 của bà T ở phía trong thửa 18 của ông N.

[3] Tại công văn số 2351/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 31/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có giải thích về sai sót khi trích lục bản đồ khi cấp Giấy chứng nhận cho bà T như sau: ...qua kết quả rà soát nguyên nhân sai sót giáp cận thửa đất số 570, tờ bản đồ số 77 có giáp cận ở cạnh 1-11 giáp với “Rạch ” là có sai sót. Thông tin giáp cận đúng với hồ sơ địa chính phải là “Giáp thửa đất số 18...” Do đó án sơ thẩm xác định lời trình bày của bà Huỳnh Thị T khi chuyển nhượng đất của ông Đinh Văn N thửa 837 (nay là thửa 570) tới giáp rạch là không có cơ sở. Án sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu bà T, ông T2 giao trả phần đất có diện tích 404,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 77 là có căn cứ.

[4] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Trà Vinh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Phạm Văn T2 phải trả lại phần đất có diện tích 404,8m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 642,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 77, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 698085 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 16/12/2019).

Có vị trí tứ cận theo Công văn số 1530/CNTPTV, ngày 21/10/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Hướng Đông giáp thửa 570 có các số đo: 27,90; 7.00; 2.56; 56,94.

Hướng Tây giáp **R** có số đo 34,51.

Hướng Nam giáp thửa 18 có các số đo 2,8m; 6,56m.

Hướng Bắc giáp Rạch có số đo 7,5m.

Về công sức tôn tạo quyền sử dụng đất: Buộc ông **Nguyễn Văn V** trả lại cho bà **Huỳnh Thị T** số tiền đổ cát là 10.368.000 đồng.

Về cây trồng trên đất: Giao 11 cây dừa, 04 bụi chuối, 08 cây bưởi da xanh cho ông **Nguyễn Văn V** sở hữu và buộc ông **Nguyễn Văn V** hoàn lại giá trị cho bà **T** là 5.892.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng thang bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin: 20.065.000 đồng

Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn V** đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá 19.000.000 đồng. Bị đơn bà **Huỳnh Thị T** đã nộp tạm ứng chi phí định giá là 2.000.000 đồng.

Ông **Nguyễn Văn V** không phải chịu chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin.

Bà **Huỳnh Thị T** phải chịu chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin là 10.032.500 đồng. Nhưng do ông **Nguyễn Văn V** đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá 19.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bà **Huỳnh Thị T** phải trả lại cho ông **V** số tiền chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin là 8.967.500 đồng.

Số tiền chi phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin còn lại mà bà **T** phải chịu là 1.065.000 đồng được cân trừ vào số tiền tạm ứng chi phí định giá 2.000.000 đồng mà bà **T** đã đóng. Do đó, bà **T** được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí định giá còn thừa là 935.000 đồng (nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh).

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà **Huỳnh Thị T** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp bằng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000167, ngày 29/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh

Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành



án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP Trà Vinh;
- CCTHADS TP Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Long**